

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Trường THCS Tô Vĩnh Diện, thị trấn Triệu Sơn, huyện Triệu Sơn của Ủy ban nhân dân thị trấn Triệu Sơn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1149/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 của UBND tỉnh về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; giấy phép môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường của các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh;

Theo Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của Hội đồng nhân dân thị trấn Triệu Sơn về việc quyết định chủ trương đầu tư Dự án Trường THCS Tô Vĩnh Diện, thị trấn Triệu Sơn, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa;

Xét Văn bản số 11073/STNMT-BVMT ngày 15/12/2022 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường về Thông báo kết quả thẩm định báo cáo ĐTM Dự án Trường THCS Tô Vĩnh Diện, thị trấn Triệu Sơn, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa của Ủy ban nhân dân thị trấn Triệu Sơn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 20/Tr-STNMT ngày 11/01/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Trường THCS Tô Vĩnh Diện (sau đây gọi là Dự án) của Ủy ban nhân dân thị trấn Triệu Sơn (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại thị trấn Triệu Sơn, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37, Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Trường THCS Tô Vĩnh Diện của Ủy ban nhân dân thị trấn Triệu Sơn thực hiện tại thị trấn Triệu Sơn, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Triệu Sơn, Chủ tịch UBND thị trấn Triệu Sơn và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Bộ TN&MT (để b/c);
- UBND xã TT Triệu Sơn (để giám sát);
- Các ngành có liên quan;
- Lưu: VT, CCBVMT, PgNN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Đức Giang

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
của Dự án Trường THCS Tô Vĩnh Diện, thị trấn Triệu Sơn, huyện Triệu
Sơn, tỉnh Thanh Hóa của Ủy ban nhân dân thị trấn Triệu Sơn

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của
 Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

1. Thông tin về dự án:

1.1. Thông tin chung:

- Tên dự án: Trường THCS Tô Vĩnh Diện, thị trấn Triệu Sơn, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.
- Địa điểm thực hiện: thị trấn Triệu Sơn, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.
- Chủ dự án đầu tư: Ủy ban nhân dân thị trấn Triệu Sơn.
- + Người đại diện: Ông Phạm Văn Thường; Chức vụ: Chủ tịch
- + Địa chỉ: Thị trấn Triệu Sơn, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất:

- Dự án Trường THCS Tô Vĩnh Diện, thị trấn Triệu Sơn, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa thực hiện xây dựng trên phạm vi khu đất là 18.916,94 m².
- Các hạng mục của dự án bao gồm: San nền tổng mặt bằng; xây dựng khu nhà lớp học chính (2 tầng); khu nhà lớp học bộ môn; khu nhà hiệu bộ; nhà bảo vệ; nhà để xe; cổng chính; hàng rào; hệ thống cấp điện; hệ thống cấp thoát nước; nhà vệ sinh chung, phòng cháy chữa cháy, sân đường nội bộ, nhà tập đa năng; sân bóng; bể bơi; khu đọc sách ngoài trời kết hợp khuôn viên và phần đất dự trữ.
- Quy mô học sinh: 765 người.

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

- Nhà hiệu bộ: Xây dựng Nhà hiệu bộ diện tích 262m², cao 02 tầng kiến trúc hiện đại.
 - + Tầng 1: Văn phòng (72m²), phòng hiệu phó (24m²), phòng y tế (24m²), phòng hỗ trợ giáo dục (24m²), nhà vệ sinh (24m²), hành lang và cầu thang.
 - + Tầng 2: Phòng hiệu trưởng (24m²), phòng tổ chuyên môn (48m²), phòng thiết bị giáo dục (48m²), phòng truyền thống đoàn đội (48m²), hành lang và cầu thang.
- Nhà lớp học chính: Xây dựng Nhà lớp học chính có diện tích 262m², quy mô gồm 12 phòng học và 01 phòng kho, cao 02 tầng kiến trúc hiện đại.
- Nhà lớp học bộ môn, nhà tập đa năng: Xây dựng Nhà lớp học bộ môn có diện tích 480m², quy mô 02 tầng kiến trúc hiện đại; nhà tập đa năng có diện tích 651m². Bao gồm:
 - + Tầng 1: Phòng thư viện (82m²), phòng bộ môn mỹ thuật (61m²), phòng bộ môn âm nhạc (61m²), phòng bộ môn hóa sinh (61m²), phòng chuẩn bị 1 (20m²), phòng chuẩn bị 2 (12m²), phòng chuẩn bị 3 (12m²), hành lang và cầu thang.
 - + Tầng 2: Phòng tin học – ngoại ngữ (82m²), phòng đa chức năng (61m²), phòng khoa học xã hội (61m²), phòng bộ môn vật lý – công nghệ

(61m²), phòng chuẩn bị 1 (20m²), phòng chuẩn bị 2 (12m²), phòng chuẩn bị 3 (12m²), phòng chuẩn bị 4 (20m²) hành lang và cầu thang.

- Các hạng mục phụ trợ bao gồm: nhà xe, nhà bảo vệ, cổng, tường rào, sân thể dục, sân bóng, bể bơi, Khu đọc sách ngoài trời kết hợp với khuôn viên cây xanh, sân betong nội bộ.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường:

Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa nước từ 02 vụ trở lên theo quy định của pháp luật về đất đai.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

Các tác động chính của dự án chỉ phát sinh chủ yếu trong giai đoạn xây dựng từ các hoạt động giải phóng mặt bằng, phát quang thực vật, san nền, thi công nền đường, mặt đường, thi công cầu, thi công cống thoát nước, hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, hoạt động của máy móc, thiết bị trên công trường, hoạt động của công nhân tham gia thi công xây dựng,... Các hoạt động này sẽ phát sinh bụi, khí thải, nước thải xây dựng, nước thải sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại, tiếng ồn, độ rung,...; tác động đến dân cư và các yếu tố tự nhiên, xã hội khác.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư:

3.1. Giai đoạn xây dựng

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải:

- *Nước thải sinh hoạt công nhân:* Nước thải sinh hoạt công nhân phát sinh khoảng 3,8 m³/ngày, trong đó: Nước thải từ quá trình tắm rửa, giặt giũ, vệ sinh tay chân 2,23 m³/ngày; Nước thải từ quá trình vệ sinh cá nhân (đại tiện, tiểu tiện) 1,47 m³/ngày; Nước thải nấu ăn 0,1 m³/ngày. Nước thải sinh hoạt chủ yếu chứa thành phần như chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, Coliform,...

- *Nước thải xây dựng:* Nước thải rửa thiết bị thi công hạng mục công trình khoảng 1,0 m³/ngày. Nước rửa bánh xe khoảng 2 m³/ngày. Thành phần chủ yếu gồm: Cặn lơ lửng, dầu mỡ,...

- Lượng nước mưa chảy tràn tại khu vực công trường thi công 0,033 m³/s. Thành phần chủ yếu: Bùn đất, rác thải, chất rắn lơ lửng,...

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của khí thải:

Trong giai đoạn thi công xây dựng bụi, khí thải phát sinh trong quá trình giải phóng mặt bằng, phát quang thực vật, đào đắp, san ủi, phương tiện thi công, phương tiện vận chuyển, trút đổ nguyên vật liệu, thi công nền đường, mặt đường, thi công cầu... Thành phần chủ yếu gồm: bụi, CO, SO₂, NO₂,...

3.1.3. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn, chất thải nguy hại:

- *Chất thải rắn sinh hoạt:* Phát sinh khoảng 32,5kg/ngày. Thành phần chủ yếu là thức ăn thừa của công nhân, nhựa, giấy, bìa carton, nilong, vỏ chai nhựa, vỏ hộp...

- Chất thải rắn xây dựng :

+ Thực vật phát quang là: 14,18 tấn.

+ Đất, đá rơi vãi,... tại công trường thi công xây dựng và khu vực tập kết nguyên vật liệu tổng cộng 278,495 tấn.

+ Chất thải rắn từ các loại vật liệu sử dụng trong quá trình thi công như mẫu sắt thép thừa, gỗ cốp pha loại, bao bì xi măng là chiếm 27,84 tấn.

+ Đất thải: 1.891,69m³

- Chất thải nguy hại:

+ Chất thải nguy hại dạng rắn: Chất thải rắn nguy hại phát sinh khối lượng khoảng 0,5 kg/tháng. Thành phần bao gồm: Giẻ lau chùi máy móc, vỏ chai đựng dầu nhớt, pin, ắc quy, nhựa....

+ Chất thải nguy hại dạng lỏng: 90 lít. Thành phần chủ yếu là dầu thải.

3.1.4. Nguồn phát sinh và mức độ của tiếng ồn, độ rung:

Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ các hoạt động thi công của các loại máy móc, thiết bị trên công trường. Các đối tượng bị tác động bao gồm người dân sinh sống xung quanh khu vực dự án, công nhân thi công tại công trường và người dân tham gia giao thông qua khu vực dự án.

3.2. Giai đoạn vận hành:

3.2.1. Quy mô, tính chất của nước thải:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 11,7 m³/ngày. Thành phần chủ yếu: Chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, coliform, dầu mỡ...

- Lưu lượng nước mưa chảy tràn khoảng 0,04 m³/s. Thành phần chủ yếu: Bùn đất, rác thải, chất rắn lơ lửng,...

3.2.2. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

Bụi và khí thải chủ yếu phát sinh từ: Hoạt động của phương tiện giao thông; hoạt động của máy phát điện dự phòng; mùi, khí thải từ hoạt động nấu ăn của nhà bếp; mùi hôi từ hệ thống thu gom, xử lý nước thải. Phạm vi tác động chủ yếu trong khuôn viên dự án. Thành phần chủ yếu: Bụi, NO₂, SO₂, CO,...

3.2.3. Quy mô tính chất của chất thải rắn:

Chất thải phát sinh từ sinh hoạt có khối lượng khoảng 382,5 kg/ngày. Chất thải rắn phân huỷ được gồm: Thức ăn thừa, lá cây, cành cây, gỗ, giấy loại... ; Chất thải rắn không phân huỷ được hay khó phân huỷ: Thủy tinh, nhựa, nilon, sành sứ, vỏ đồ hộp...

3.2.4. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

Chất thải nguy hại phát sinh có khối lượng khoảng 0,2 kg/ngày. Thành phần chủ yếu bao gồm: Bóng đèn huỳnh quang thải, pin thải,...

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư :

4.1. Giai đoạn xây dựng

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

a. Nước thải sinh hoạt:

- Đối với nước thải từ quá trình tắm rửa, giặt giũ, vệ sinh tay chân: đào 01 hố lắng có thể tích $4,0 \text{ m}^3$ (kích thước $2 \times 2 \times 1 \text{ m}$, lót vải địa kỹ thuật HDPE) tại lán trại công nhân, để thu gom lắng và loại bỏ chất rắn lơ lửng, rác thải phát sinh... trước khi thải ra mương thoát nước khu vực.

- Đối với nước thải từ quá trình ăn uống: được dẫn về hố lắng có thể tích $4,0 \text{ m}^3$ (cùng với nước thải tắm rửa, giặt giũ, vệ sinh tay chân), vớt dầu mỡ được thu gom, xử lý cùng chất thải sinh hoạt.

- Đối với nước thải từ quá trình vệ sinh: Lắp đặt 03 nhà vệ sinh di động tại khu lán trại để thu gom nước thải từ quá trình vệ sinh của công nhân.

b. Nước thải xây dựng:

Nước thải xây dựng được thu gom về 01 hố lắng có thể tích $1,5 \text{ m}^3$ (kích thước $1,5 \text{ m} \times 1,0 \text{ m} \times 1,0 \text{ m}$), thời gian lắng 4 giờ, được bố trí gần khu vực công ra vào khu đất dự án để loại bỏ chất rắn lơ lửng và dầu mỡ. Dầu mỡ được thu gom và xử lý cùng với chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thi công dự án. Nước thải sau lắng được tuần hoàn sử dụng lại phục vụ quá trình rửa xe, máy móc hoặc làm nước tưới đường đập bụi; phần còn lại theo hệ thống mương thoát nước tạm ra hệ thống thoát nước chung của khu vực.

c. Nước mưa chảy tràn

- Tạo bờ bao quanh khu vực tập kết nguyên vật liệu nhằm hạn chế nước mưa chảy tràn cuốn theo đất, cát, vật liệu xây dựng...

- Tạo các rãnh thoát nước tạm thời tại các vị trí trũng thấp để thoát nước, tránh tình trạng ngập úng. Cuối rãnh thoát nước bố trí hố lắng để lắng và loại bỏ đất, cát, rác thải vương vãi...

4.1.2. Đối với xử lý khí thải

- Trang bị bảo hộ lao động (như quần áo, giày, mũ, khẩu trang,...) cho công nhân thi công tổng 120 bộ.

- Dùng xe xitéc $5,0 \text{ m}^3$ phun chống bụi, tần suất phun nước 04 lần/ngày và tăng số lần phun nước trong điều kiện thời tiết khô hanh tại một số vị trí nhạy cảm như tuyến đường qua các khu dân cư lân cận.

- Hạn chế thi công vào những giờ nghỉ ngơi của người dân, thông báo thời gian thi công cụ thể để người dân biết để có những biện pháp che chắn, tránh bụi hiệu quả.

- Thường xuyên dọn dẹp vệ sinh trên tuyến đường vận chuyển.

- Lắp dựng tường rào bằng tôn cao 2,5m dài 300m bao xung quanh khu đất để hạn chế bụi phát tán ra khu vực xung quanh, đồng thời bảo vệ công trình.

- Các phương tiện xe, máy thi công được bảo dưỡng và đăng kiểm đảm bảo máy móc, thiết bị có hiệu suất làm việc cao và vận hành hiệu quả.

- Đối với các loại nguyên liệu lỏng, các chất được lưu chứa trong các phuy thùng và được kiểm tra cẩn thận khi bốc dỡ cũng như vận chuyển.

- Các phương tiện vận chuyển phải được che chắn kín, kiểm định định kỳ theo đúng quy định. Bố trí công nhân quét dọn vật liệu rơi vãi do quá trình vận chuyển vật liệu dự án gây nên.

4.1.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn sinh hoạt

- Trang bị 04 thùng rác thể tích 40 lít (có nắp đậy) tại vị trí lán trại công nhân và khu vực công trường thi công.

- Trang bị 01 xe đẩy rác bằng tay (dung tích chứa 0,5 m³) đặt gần khu vực lán trại công nhân để thu gom rác thải tập trung.

+ Toàn bộ rác thải sinh hoạt được đơn vị thi công thuê đơn vị chức năng vận chuyển và xử lý theo quy định với tần suất 01 ngày/lần.

4.1.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn xây dựng

- Sinh khối thực vật phát quang và đất đổ thải: được thu gom, vận chuyển đổ thải tại bãi đổ thải của dự án.

- Vật liệu xây dựng thải bỏ:

+ Sắt thép vụn, bao bì xi măng, gỗ ... (khối lượng là 27,84 tấn): được thu gom, bán phế liệu.

+ Vật liệu xây dựng đất, cát, đá thải (khối lượng 278,495 tấn): được thu gom, san lấp mặt bằng dự án.

4.1.5. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

- Chất thải rắn nguy hại: trang bị 01 thùng chứa dung tích 60 lít/thùng có dán nhãn mác, nắp đậy theo đúng quy định; lưu trữ tạm tại kho chứa.

- Chất thải lỏng nguy hại: trang bị 01 thùng phi (dung tích 60 lít) có dán nhãn mác, nắp đậy theo đúng quy định; lưu trữ tạm tại kho chứa .

Chủ dự án, đơn vị thi công thu gom, tập trung về kho chứa CTNH đặt tại lán trại công nhân. Mỗi kho chứa có diện tích 2m×3m, số lượng 01 kho. Hợp đồng với các đơn vị vận chuyển chất thải nguy hại có chức năng định kỳ đến vận chuyển đi xử lý theo quy định của pháp luật theo đúng quy định.

4.1.6. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Phương tiện sử dụng không chở vượt quá trọng tải quy định. Tắt máy khi không cần thiết và giảm tốc độ khi di chuyển qua các khu dân cư, các điểm giao trên tuyến.

- Bảo dưỡng thường xuyên các thiết bị giảm thanh của các máy móc gây ra tiếng ồn cao như máy khoan, máy xúc, máy ủi, xe lu...

- Tắt những máy móc hoạt động gián đoạn nếu thấy không cần thiết để giảm mức ồn tích lũy ở mức thấp nhất.

- Quy định tốc độ xe, máy móc thi công khi di chuyển trong công trường không quá 5km/h.

- Không tiến hành thi công vào khoảng thời gian từ 22 giờ ÷ 6 giờ ngày hôm sau và 11 giờ ÷ 13 giờ.

4.2. Giai đoạn vận hành:

4.2.1. Về thu gom và xử lý nước thải

a/ Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do nước mưa chảy tràn

Nước mưa toàn bộ hệ thống sân đường xung quanh, nước mưa thu từ mái các công trình chức năng của trường được thu gom bằng hệ thống mương BTCT có nắp đan đục lỗ có bố trí các hố ga, trung bình khoảng 20m sẽ có một ga thu.

Nước mưa từ hố ga thu sân nhà thoát ra hố ga có sẵn của hệ thống thoát nước khu vực bằng ống buy BTCT D600.

b/ Các biện pháp thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt

- Nước thải rửa chân tay được thu gom về hố ga để lắng loại bỏ chất rắn lơ lửng, sau đó dẫn về bể tự hoại cải tiến 5 ngăn Bastaf để tiếp tục xử lý, sau đó được thoát ra mương thoát nước chung của khu vực.

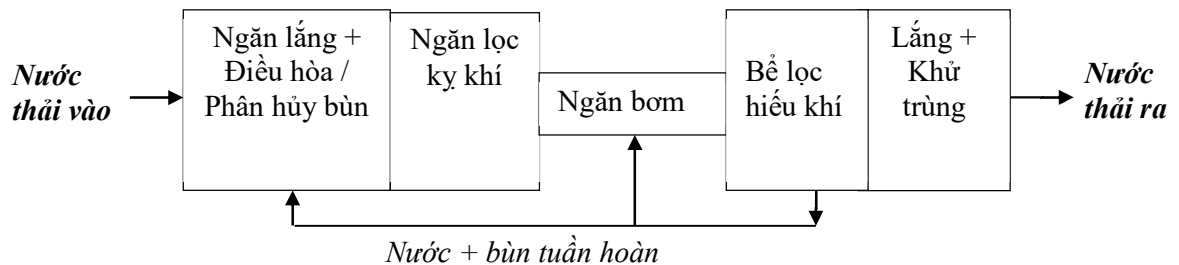
- Nước thải từ nhà vệ sinh được thu gom và xử lý bằng bể tự hoại 05 ngăn cải tiến Bastaf, sau đó được thoát ra mương thoát nước chung của khu vực.

Hệ thống xử lý Bastaf của dự án:

Nước thải vệ sinh, nước thải từ hoạt động rửa tay chân, sau khi xử lý sơ bộ được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung là modul hợp khối bằng vật liệu composite công nghệ Bastaf thể tích 15m³/bể đặt tại khu nhà vệ sinh chung.

Nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (Cột B), sau đó thoát ra hệ thống thoát nước chung của khu vực tại điểm xả theo mương thoát nước giáp ranh phía Tây dự án.

Quy trình công nghệ của HTXL nước thải bằng công nghệ BASTAF:



4.2.2. Về bụi, khí thải

- Máy phát điện được lắp đặt trong phòng kín, tại phòng đặt máy phát điện lắp đặt hệ thống quạt thông gió thoát ra ngoài môi trường.

- Trồng cây xanh tại khu vực khu vực sân vườn nhằm điều hòa vi khí hậu trong gia đình cũng như tạo cảnh quan môi trường.

- Định kỳ nạo vét hệ thống thu gom, thoát nước thải để giảm thiểu mùi hôi.

4.2.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý CTR thông thường

- Thực hiện phân loại các loại CTR tại nguồn (gồm CTR vô cơ và CTR hữu cơ, CTR có thể tái chế...) mỗi loại bỏ vào các thùng có màu sắc khác nhau theo quy định.

- Trang bị 14 thùng đựng rác dung tích 60 l/thùng bố trí tại khu vực sân, các khu chức năng, khu vực hành lang của mỗi tầng toà nhà để thu gom rác thải.

- Trang bị 03 xe đẩy rác bằng tay (dung tích 0,5 m³/xe) để thu gom rác thải tập trung.

- Toàn bộ rác thải sinh hoạt của dự án được chủ đầu tư hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển đi xử lý theo quy định.

4.2.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

- Trang bị 02 thùng đựng CTNH (dung tích 120 lít/thùng) đặt trong khu vực kho chứa để thu gom CTNH. Thùng có nắp đậy, bên ngoài thùng được dán nhãn theo quy định. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý.

4.3. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải:

T	Danh mục công trình xử lý môi trường	Đơn vị	Số lượng
	Khu tập kết chất thải rắn-CTNH		
	Thùng đựng CTR dung tích 60l	cái	14
	Xe đẩy rác bằng tay dung tích 0,5m ³ /xe	cái	03
	Hệ thống xử lý nước thải		
	Bể Bastaf 15 m ³	Hệ thống	01

5. Các điều kiện có liên quan đến môi trường:

- Thực hiện đầy đủ các nội dung trong quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Trong quá trình chuẩn bị, triển khai thực hiện dự án đầu tư trước khi vận hành, trường hợp có thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, chủ dự án đầu tư có trách nhiệm thực hiện theo đúng quy định tại Khoản 4, Điều 37, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 27, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Công khai báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định theo quy định tại Điều 114 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Tuân thủ các quy định hiện hành về môi trường, đất đai, xây dựng; tài nguyên, lâm nghiệp; an ninh, quốc phòng; bảo tồn đa dạng sinh học; khai thác, xả nước thải vào nguồn nước; các quy định về phòng cháy chữa cháy, ứng cứu sự cố và các quy định pháp luật khác có liên quan trong quá trình thực hiện dự án nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu những rủi ro cho môi trường.

- Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Thực hiện yêu cầu khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường./.